TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12/9/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Lê Đình Cự**
2. **Bà Nguyễn Thị Vĩnh**
- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh –** Thư ký Tòa án.
-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*
Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn***: Chị Trần Thị Đ,** sinh năm 1989

* *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn N,** sinh năm 1987

Đều có HKTT: Thôn Đ, xã ĐS, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa chị Đ có mặt, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2019; Bản tự khai ngày 03/6/2019 và tại phiên tòa chị Trần Thị Đ nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N ngày 05/01/2007 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô xát cãi vã, anh N ít quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

* *Về con chung:* Chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh

ngày 16/7/2008 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 30/5/2012. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân may ở công ty Cổ phần may xuất khẩu Đ, thu nhập hàng tháng từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng.

** Về tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N:

Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án và xác minh đối với gia đình anh Nguyễn Văn N, tại biên bản ghi lời khai ngày 04/7/2019 đối với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (là bố đẻ anh Nguyễn Văn N); trú tại: Thôn Đ, xã ĐS, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình cung cấp như sau:

- Anh N đã biết việc chị Đ xin ly hôn anh ở Tòa án nhưng do công việc bận mải nên anh không đến Tòa án làm việc được.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh N tự nguyện kết hôn ngày 05/01/2007 tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, chị Đ và anh N về sống chung cùng gia đình ông tại Thôn Đ, xã ĐS, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, gia đình ông đã khuyên bảo vợ chồng anh chị nhiều lần để vợ chồng cùng nhau làm ăn, nuôi dạy con cái nhưng không được. Chị Đ khi làm dâu nhà ông thì không làm tròn trách nhiệm của một người con dâu, đến nay chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ chị để sinh sống. Anh N và chị Đ đã sống ly thân từ lâu. Nay chị Đ xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị Đ và anh N có 02 con chung: Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/7/2008 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 30/5/2012. Từ khi các cháu được sinh ra đều do ông bà chăm sóc, chị Đ và anh N rất ít quan tâm đến các con. Nay chị Đ xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị Đ và anh N không có tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn N tuy đã nhận được thông báo của Tòa án và biết về việc chị Trần Thị Đ xin ly hôn nhưng anh N vẫn vắng mặt không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa nghiêm chỉnh.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn

N; Giao 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/7/2008 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 30/5/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị Đ không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết sau; Về tài sản: Chị Trần Thị Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:*** Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa thứ nhất anh N vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa thứ hai anh N vẫn vắng mặt, HĐXX căn cứ vào vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh N.

[2] ***Về nội dung*****:**

[2.1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Đ và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô xát cãi vã, anh N ít quan tâm đến vợ con. Chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Nay chị Đ xin ly hôn, anh N không đến trực tiếp Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của ông Nguyễn Văn T (là bố đẻ anh Nam), ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh ngày 04/7/2019, Ủy ban nhân dân xã Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng chị Đ và anh N đã ly thân từ năm 2015 đến nay không quan tâm, hỏi han đến nhau, không có mối ràng buộc về kinh tế nên xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh N là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị Đ và anh Nam có 02 con chung là: Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/7/2008 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 30/5/2012. Ly hôn chị Đ xin

được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy rằng: Hai con Nguyễn Thị H và Nguyễn Tiến T đang chung sống cùng chị Đ và học tập tại xã Đ, các cháu đều có nguyện vọng ở với chị Trần Thị Đ. Quá trình giải quyết vụ án, anh N tuy đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc nên việc chấp hành pháp luật là không nghiêm chỉnh cũng như không có ý kiến về việc nuôi con chung, thông qua gia đình thấy rằng anh N đi làm ăn xa, công việc bận mải, thời gian chăm sóc, giáo dục, trông nom con bị hạn chế. Vì vậy xét nguyện vọng của chị Đ là chính đáng, ngoài ra hiện chị Đ đang làm công nhân may ở công ty Cổ phần may xuất khẩu Đ, thu nhập hàng tháng từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng nên xác định chị Đ có đủ điều kiện để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu Nguyễn Thị H và Nguyễn Tiến T, cần giao 02 con chung cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa, chấp nhận việc chị Đ không yêu cầu anh N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[3] ***Về tài sản:*** Chị Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] ***Về án phí và quyền kháng cáo:*** Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Xử giao chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/7/2008 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 30/5/2012, chấp nhận việc chị Đ không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ

thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng, chị Đ đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008025 ngày 03/6/2019 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Văn N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hoàng Văn Thành